

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 28-03-2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 216/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 763/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1967 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông H trình bày: Ông và bà H1 tổ chức lễ cưới vào năm 1989, đến ngày 12/7/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là bất đồng

quan điểm về tài chính, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn đến mức đỉnh điểm, không thể thỏa thuận, giải quyết được.

Thời gian qua vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, nên ông luôn nhường nhịn, cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Năm 2023, ông đã khởi kiện xin ly hôn, nhưng vì không chứng minh được mâu thuẫn vợ chồng, nên Tòa án đã bác đơn xin ly hôn của ông. Đến nay đã hơn một năm kể từ ngày Tòa án bác đơn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, ông cũng không còn chung sống với bà H1. Ông thấy chỉ có biện pháp ly hôn là cách giải quyết tốt nhất cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị D, sinh ngày 04/01/1991 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 13/12/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Về thời gian chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn như ông H trình bày là đúng. Bà với ông H chung sống với nhau hạnh phúc hơn 30 năm. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nên mới cãi nhau chứ không có mâu thuẫn gì lớn phải dẫn đến ly hôn.

Tết Nguyên Đán năm 2021, 2022, 2023, ông H đi huyện L, tỉnh Bình Phước chơi khoảng 02 tháng, ở nhà khoảng nửa tháng, vì năm 2021 ông H đòi đi ra L làm ăn nhưng bà không đồng ý, bà đòi đi theo xem nếu được thì cả gia đình cùng đi thì ông H không đi nữa.

Hiện bà và ông H vẫn còn sống chung nhà, không có mâu thuẫn gì lớn, bà rất thương ông H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị D, sinh ngày 04/01/1991 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 13/12/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 216/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm số 216/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng pháp luật; Về quan hệ hôn nhân: Ông H – Bà H1 xác lập quan hệ vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1 là không có cơ sở, do ông H đã nộp đơn ly hôn 01 lần vào năm 2023, sau khi Tòa án xử bác đơn ly hôn thì ông H và bà H1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị H1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, đến ngày 12/7/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông H trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là bất đồng quan điểm về tài chính, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn đến mức đỉnh

điểm, không thể thỏa thuận, giải quyết được. Bà H1 thì cho rằng bà với ông H chung sống với nhau hạnh phúc hơn 30 năm. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nên mới cãi nhau chứ không có mâu thuẫn gì lớn phải dẫn đến ly hôn.

-Về con chung: Đã trưởng thành

-Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử cho ông H được ly hôn với bà H1 thì bà H1 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị bác đơn khởi kiện ly hôn của ông H.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Ông H và bà H1 cùng trình bày thống nhất, vợ chồng xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, năm 2004 thì đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Ông H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015, đến năm 2018 là mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là bất đồng quan điểm về tài chính, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà H1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, năm 2023 ông H đã nộp đơn xin ly hôn với bà H1, do mâu thuẫn chưa trầm trọng nên Tòa án sơ thẩm đã xét xử tại bản án số 108/2023/HNGĐ-ST ngày 11/7/2023 không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông H. Nay ông H tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn lần thứ hai, chứng tỏ trong thời gian tòa án xét xử bác đơn ly hôn của ông H (lần 1) cho đến nay thì vợ chồng cũng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H1 đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét bản án sơ thẩm đã xét xử cho ông H ly hôn với bà H1 là có căn cứ đúng pháp luật.

Do bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H1 nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 216/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

3. Về án phí :

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà H1 nộp theo biên lai thu tiền số 0002832 ngày 09/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016876 ngày 03/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông H đã thi hành xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt